

Số: 155/2022/QĐST-KDTM

Đông Anh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 76/2022/TLST-KDTM ngày 06/6/2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng NN Việt Nam**; trụ sở: Số 2 đường LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Xuân L** – Giám đốc Ngân hàng NN Việt Nam chi nhánh Đông Anh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Long: Ông **Trần Văn M** – Phó giám đốc Ngân hàng NN Việt Nam chi nhánh Đông Anh.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1977; Bà **Đào Thị Mai H**, sinh năm 1982; Cùng nơi cư trú: Khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Cháu **Trần Thị Ngọc L**, sinh năm 2004 (con ông N, bà H);
2. Cháu **Trần Văn K**, sinh năm 2008 (con ông N, bà H);
3. Cháu **Trần Văn Hải Đ**, sinh năm 2011 (con ông N, bà H);

Cùng nơi cư trú: Khu 7, thôn TL, xã YL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu L, cháu K và cháu Đ: ông **Trần Văn N** và bà **Đào Thị Mai H**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà **Đào Thị Mai H**.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-20202649 ngày 03/6/2020, Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202101484 ngày 04/02/2021; Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202101365 ngày 02/02/2021 và Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202102187 ngày 05/3/2021. Tính đến hết ngày 21/7/2022, ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H còn nợ Ngân hàng NN Việt Nam số tiền như sau:

Tổng dư nợ gốc: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Tổng lãi còn nợ: 113.197.954 (một trăm mười ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi tư) đồng.

+ Tổng dư nợ lãi trong hạn: 9.512.036 (chín triệu, năm trăm mười hai nghìn, không trăm ba mươi sáu) đồng.

+ Tổng dư nợ lãi quá hạn: 103.685.918 (một trăm linh ba triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm mười tám) đồng.

Tổng dư nợ gốc và lãi: 1.113.197.954 (một tỷ, một trăm mười ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi tư) đồng.

2.2. Về phương thức trả nợ: Hạn cuối là ngày 31/7/2023, ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền 1.113.197.954 (một tỷ, một trăm mười ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi tư) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/7/2022 đến khi tất toán khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ theo lộ trình sau:

Từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 11 năm 2022, mỗi tháng ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H phải trả ngân hàng số tiền tối thiểu 10.000.000 (mười triệu) đồng vào ngày 25 hàng tháng.

Ngày 25/12/2022, ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H phải trả ngân hàng số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 02 năm 2023, mỗi tháng ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H phải trả ngân hàng số tiền tối thiểu 10.000.000 (mười triệu) đồng vào ngày 25 hàng tháng.

Ngày 25/3/2023, ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H phải trả ngân hàng số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 6 năm 2023, mỗi tháng ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H phải trả ngân hàng số tiền tối thiểu 10.000.000 (mười triệu) đồng vào ngày 25 hàng tháng.

Ngày 25/7/2023, ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H phải trả ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại.

Toàn bộ tiền ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H trả ngân hàng sẽ thu vào tiền gốc. Sau khi thu hết tiền gốc mới thu vào tiền lãi.

2.3. Trường hợp ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng NN Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 64(1) tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ: Khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV449374, số vào sổ cấp GCN 141.QĐUBND.2015 CH.00016.2015 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 23/01/2015 cho ông Trần Văn N.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

2.4 *Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: 45.395.000 (bốn mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 22.697.500 (hai mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng. Ông Trần Văn N và bà Đào Thị Mai H phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 22.697.500 (hai mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng NN Việt Nam số tiền 22.332.000 (hai mươi hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0046574 ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyền